

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch  
số 08/2009/TTLT/BCA-BNG hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ  
thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài**

*Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 và Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 06/9/2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;*

*Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 06/10/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 và Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06/9/2012.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Giấy tờ dùng làm căn cứ để cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu, cấp giấy thông hành là một trong những giấy tờ sau:

a) Giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (loại có ảnh) theo quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch ban hành qua các thời kỳ;

b) Giấy xác nhận nhân sự của công dân Việt Nam hiện ở nước ngoài do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp còn giá trị (mẫu X04 ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Giấy tờ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân còn giá trị, có ghi đầy đủ yếu tố nhân thân và ảnh. Yếu tố nhân thân của một người bao gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, quốc tịch của người đó.

Các giấy tờ trên nếu đã hết giá trị hoặc không có ảnh thì chỉ dùng tham khảo để làm căn cứ cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu, cấp giấy thông hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Đối với trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu

a) Hồ sơ 01 bộ gồm:

- 01 tờ khai theo mẫu X02 ban hành kèm theo Thông tư này;
- 02 ảnh mới chụp, cỡ 4 x 6cm, phông nền màu trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu;
- Bản sao giấy tờ làm căn cứ để cấp hộ chiếu được quy định tại khoản 3 Điều 1 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này. Nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

- Trẻ em dưới 14 tuổi đề nghị cấp riêng hộ chiếu thì nộp thêm 01 bản sao giấy khai sinh. Nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu. Tờ khai do cha, mẹ khai và ký thay; nếu do cha, mẹ nuôi hoặc người giám hộ khai và ký thay thì xuất trình giấy tờ chứng minh là cha, mẹ nuôi hoặc người giám hộ.

- Trường hợp cha hoặc mẹ đề nghị cấp chung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu Việt Nam của cha hoặc mẹ thì khai chung vào tờ khai của cha hoặc mẹ, nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm của trẻ em đó và giấy tờ kèm theo như trường hợp trẻ em đề nghị cấp riêng hộ chiếu; không cấp chung vào hộ chiếu của người giám hộ.

b) Việc giải quyết của cơ quan đại diện Việt Nam:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam quyết định cấp hộ chiếu và trả kết quả cho người đề nghị.

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ căn cứ để cấp hộ chiếu thì cơ quan đại diện Việt Nam yêu cầu người đó khai báo cụ thể các yếu tố nhân sự và các thông tin liên quan hỗ trợ cho việc xác định: địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở trong nước trước khi xuất cảnh, chi tiết giấy tờ xuất nhập cảnh (loại giấy, số ngày và cơ quan cấp), thân nhân ở Việt Nam; nộp giấy tờ chứng minh thông tin liên quan nêu trên (nếu có) và gửi hồ sơ về Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao để đề nghị Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực Bộ Tư pháp và Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác minh.

- Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm trả lời kết quả xác minh bằng văn bản cho Cục Lãnh sự.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Cục Lãnh sự có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để giải quyết.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của Cục Lãnh sự, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét việc cấp hộ chiếu và trả kết quả cho người đề nghị.

Sau 45 ngày làm việc kể từ ngày gửi đề nghị xác minh nhưng không nhận được trả lời của Cục Lãnh sự, người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam xem xét, quyết định việc cấp hộ chiếu và trả kết quả cho người đề nghị.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Cấp lại hộ chiếu (do bị mất, bị hư hỏng, còn thời hạn cần cấp lại), tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ để cấp riêng hộ chiếu.

a) Hồ sơ 01 bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này và các giấy tờ sau:

- Trường hợp hộ chiếu bị mất thì nộp đơn trình báo mất hộ chiếu (có xác nhận của chính quyền nước sở tại);

- Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng hoặc hộ chiếu còn thời hạn thì nộp hộ chiếu đó;

- Trường hợp đề nghị tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ để cấp riêng hộ chiếu thì nộp hộ chiếu, tờ khai do cha hoặc mẹ khai, ký thay. Nếu cha hoặc mẹ đề nghị cấp lại hộ chiếu thì nộp thêm 01 tờ khai (mẫu X02) và 02 ảnh cỡ 4 x 6cm của cha hoặc mẹ.

b) Việc giải quyết của cơ quan đại diện Việt Nam:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam quyết định cấp lại hộ chiếu và trả kết quả cho người đề nghị.

- Trường hợp tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ thì sau khi cấp hộ chiếu cho trẻ em, cơ quan đại diện Việt Nam bị chú bằng hai thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) vào một trong các trang 6, 7 hoặc 8 của hộ chiếu của cha hoặc mẹ với nội dung: “Xoá tên trẻ em... tại trang 4 hộ chiếu này”.

- Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng, còn thời hạn cần cấp lại, tách trẻ em mà cấp lại hộ chiếu cho cha hoặc mẹ thì sau khi cấp hộ chiếu mới, cơ quan đại diện Việt Nam chụp trang thân nhân hộ chiếu cũ để lưu hồ sơ và thực hiện việc đục lỗ (về bên phải, phía dưới, từ trang 1 đến trang 24 của hộ chiếu, trừ trang có thị thực hoặc giấy phép cư trú còn giá trị của nước ngoài cấp) và trả lại cho người đề nghị.

- Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ cấp lại hộ chiếu, cơ quan đại diện Việt Nam yêu cầu người đó khai báo rõ ràng các yếu tố nhân sự và đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam đã cấp hộ chiếu đó xác minh. Thời hạn trả lời của cơ quan cấp hộ chiếu đó và thời hạn cơ quan đại diện Việt Nam trả kết quả cho người đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm a khoản 3 Điều 2 như sau:

“a) Hồ sơ 01 bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này và các giấy tờ sau:

- Trường hợp đề nghị điều chỉnh họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, số giấy chứng minh nhân dân thì nộp bản sao giấy tờ chứng minh sự điều chỉnh đó. Nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp đề nghị bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu Việt Nam của cha hoặc mẹ thì nộp hồ sơ như đối với trường hợp đề nghị cấp chung trẻ em

vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này. Đối với trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài thì cơ quan đại diện Việt Nam chỉ bổ sung vào hộ chiếu Việt Nam của cha hoặc mẹ nếu trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.”

5. Bổ sung khoản 5 vào Điều 2 như sau:

“5. Người đề nghị cấp lại hộ chiếu hoặc bổ sung trẻ em vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ có nhu cầu nhận kết quả qua bưu điện hoặc uỷ quyền cho người khác nhận thay thì thực hiện như sau:

- Trường hợp nhận kết quả qua bưu điện thì ghi rõ trong tờ khai (mẫu X02) và nộp cước phí theo quy định của bưu điện nước sở tại;

- Trường hợp uỷ quyền cho người khác nhận thay thì người được uỷ quyền khi đến nhận hộ chiếu phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp giấy biên nhận hồ sơ và giấy uỷ quyền.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Về thời hạn của hộ chiếu**

1. Hộ chiếu cấp cho công dân từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn không quá 10 năm tính từ ngày cấp và không được gia hạn.

2. Hộ chiếu cấp riêng cho trẻ em dưới 14 tuổi hoặc cấp chung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ có thời hạn 05 năm tính từ ngày cấp và không được gia hạn.

3. Hộ chiếu của cha hoặc mẹ còn giá trị trên 05 năm mà bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi thì điều chỉnh thời hạn là 05 năm tính từ ngày bổ sung trẻ em đó.”

7. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b khoản 2 Điều 5 như sau:

“ a) Đối với các trường hợp ra nước ngoài có thời hạn để công tác, học tập, du lịch hoặc giải quyết việc riêng khác mà hộ chiếu bị mất hoặc hết hạn; không được nước ngoài cho cư trú, bị buộc xuất cảnh hoặc tự nguyện xin về nước nhưng không có hộ chiếu còn giá trị:

- Hồ sơ 01 bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này và các giấy tờ sau:

+ Bản sao giấy tờ dùng làm căn cứ để cấp giấy thông hành quy định tại khoản 3 Điều 1 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này. Nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

+ Hộ chiếu đã hết hạn sử dụng hoặc đơn trình báo mất hộ chiếu. Trường hợp tự nguyện về nước thì đơn trình báo mất hộ chiếu phải có xác nhận của chính quyền nước sở tại;

+ Nếu tự nguyện xin về nước thì ghi rõ nguyện vọng trong tờ khai.

- Việc giải quyết của cơ quan đại diện Việt Nam:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam quyết định cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị.

+ Trường hợp thấy hồ sơ không đủ căn cứ để cấp giấy thông hành thì yêu cầu người đó khai báo rõ ràng các yếu tố nhân sự và đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác minh. Việc yêu cầu xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam, thời hạn trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và thời hạn cơ quan đại diện Việt Nam trả lời kết quả cho người đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 đã được sửa đổi, bổ sung của Thông tư này.

b) Đối với trường hợp có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nhưng không có hộ chiếu còn giá trị:

- Hồ sơ 01 bộ gồm:

+ 02 ảnh mới chụp của công dân Việt Nam bị trục xuất cỡ 4 x 6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu. Không cần tờ khai của đương sự;

+ Quyết định trục xuất có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại.

- Việc giải quyết của cơ quan đại diện Việt Nam:

+ Cơ quan đại diện Việt Nam gửi yêu cầu xác minh về yếu tố nhân sự và thông tin về quyết định trục xuất của nước sở tại của người bị trục xuất về Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an để xác minh. Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu xác minh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho cơ quan đại diện Việt Nam.

+ Cơ quan đại diện Việt Nam chỉ cấp giấy thông hành khi có ý kiến chấp thuận của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.”

8. Bổ sung Điều 5a như sau:

**“Điều 5a. Cấp giấy xác nhận nhân sự**

a) Hồ sơ 01 bộ gồm:

- 01 tờ khai đề nghị cấp giấy xác nhận nhân sự theo mẫu X03 ban hành kèm theo Thông tư này;

- 02 ảnh mới chụp của công dân Việt Nam ở nước ngoài cỡ 4 x 6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu;

- Bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người đề nghị và thân nhân ở nước ngoài. Nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

b) Đối tượng đề nghị và nơi nộp hồ sơ:

- Công dân Việt Nam ở trong nước (là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác) đề nghị xác nhận nhân sự cho thân nhân ruột thịt là công dân Việt Nam ở nước ngoài để làm thủ tục cấp hộ chiếu hoặc giấy thông hành.

- Người đề nghị cấp giấy xác nhận nhân sự có thể nộp hồ sơ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Công an cấp tỉnh).

c) Việc giải quyết của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh:

- Trường hợp nộp hồ sơ tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi cư trú:

+ Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh, gửi hồ sơ về Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp giấy xác nhận nhân sự, gửi kết quả về Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh để trả cho người đề nghị, đồng thời thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của người đề nghị.

- Trường hợp nộp hồ sơ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh chỉ đạo xác minh và xem xét cấp giấy xác nhận nhân sự, trả kết quả cho người đề nghị và thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của người đề nghị.

d) Giấy xác nhận nhân sự có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp và không được gia hạn.”

9. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 6.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2013./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO**  
**THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**  
**THỨ TRƯỞNG**

Đã ký

Đã ký

**Nguyễn Thanh Sơn**

**Trung tướng Tô Lâm**

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Lưu: BCA (VT, V19, A72); BNG (VT, Cục Lãnh sự).